

Bản án số: 05/2020/HN&GD - ST

Ngày: 11/5/2020

V/v “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Quyền
2. Bà Vũ Thị Luyện

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2019/HN&GD - ST ngày 12/12/2019 về Tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX- ST ngày 30 tháng 03 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05 ngày 27/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1968

ĐKNKTT: Xóm 6, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967

ĐKNKTT: Xóm 6, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Ông Toàn là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; có mặt bà Thu).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Vũ Ngọc Toàn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T1 kết hôn năm 1989 có tình hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu cả hai không tìm được tiếng nói chung, ông đi làm thợ xây thường xuyên không có mặt ở nhà nên vợ chồng ly thân đến nay là 10

năm không ai quan tâm đến ai. Do vợ chồng ly thân nên ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng không sâu nặng, chỉ giải tỏa tâm lý khi đi làm ăn xa. Giữa ông và bà T1 không còn tình cảm. Việc bà T1 trình bày tại phiên hòa giải ông đánh đập ngược đãi là không đúng, bởi bà T1 lại ngăn cản và đập phá điện thoại làm hỏng điện thoại nên ông có hành vi gạt mũ bảo hiểm và giằng co chứ không phải gây bạo lực. Nay ông xác định cả hai đều có tuổi, việc không chung sống với nhau đã lâu nên không còn tình cảm gì nên đề nghị được ly hôn. Ông có đơn xác nhận việc đăng ký kết hôn với bà T1, nhưng được UBND thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ cung cấp thông tin không còn lưu giữ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Theo ông hiểu pháp luật quy định thì không có đăng ký kết hôn không được công nhận là vợ chồng, nên đề nghị Tòa án cho chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Thu để ổn định cuộc sống.

Về con chung:

Trong quá trình chung sống, ông và bà Thu có hai con chung:

1, Vũ Ngọc Giang, sinh năm 1989;

2, Vũ Ngọc Hải, sinh năm 1992

Nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống cả hai mua đất khai hoang nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản trên đất khai hoang nay là nhà cấp 4, mặc dù chưa có giấy chứng nhận QSD, nhưng hàng năm nộp thuế và nghĩa vụ với Nhà nước. Nay ông có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có .

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thu đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Ngọc T kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1989, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, giấy chứng nhận ĐKKH do ông T bọc tức đã xé nát nên không còn lưu giữ, ông bà có xin UBND thị trấn Quân Chu xác nhận nhưng được trả lời không có sự kiện kết hôn do không có sổ lưu từ trước năm 1998 nên theo quy định của pháp luật sẽ không được công nhận là vợ chồng. Sau khi kết hôn bà về gia đình ông T làm dâu hơn một năm ra ở riêng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 bắt đầu mâu thuẫn (10 năm nay) vợ chồng ly thân ông T không có đóng góp và quan tâm đến vợ con, ông Toàn có quan hệ ngoài hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác ở tỉnh Ninh Bình khi cả hai cùng đi làm thợ xây với nhau, hai người nay đã có con chung nên ông Toàn không còn tình cảm với bà, khi về nhà ông Toàn lại gây sự đánh đập, ngược đãi, nhiều lúc đánh bà thâm tím mặt mày vì bà ngăn cản không cho ông T tiếp tục đi ra ngoài quan hệ với người phụ nữ khác. Đến nay bà cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn một thời gian dài không giải quyết được, bà cũng không còn tình cảm với ông T nữa nhưng không đồng ý ly hôn để giữ gia đình cho các con. Việc không còn đăng ký kết hôn giữa bà với ông T đề nghị Tòa án căn cứ vào quy

định của pháp luật giải quyết.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Toàn và bà có hai con chung

1, Vũ Ngọc G, sinh năm 1989;

2, Vũ Ngọc H, sinh năm 1992

Nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung:

Bà và ông T thống nhất thỏa thuận trước khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải để cho bà toàn quyền sử dụng đất, tài sản trên đất khai hoang nay chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất nhưng hàng năm nộp thuế và nghĩa vụ với Nhà nước. nhưng nay ông Toàn không đề nghị phân chia nên bà cũng không có ý kiến.

Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: ông T bà T1 đã sống ly thân một thời gian dài, khoảng cách vợ chồng ngày càng lớn, mâu thuẫn không giải quyết được chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông T xin xét xử vắng mặt và không có thay đổi gì về yêu cầu xin ly hôn, bà T1 cũng nhất trí ly hôn. Theo xác nhận của Chủ tịch UBND thị trấn Quân Chu thì qua kiểm tra sổ hộ tịch tại Ủy ban, không có sự kiện đăng ký kết hôn của ông Toàn và bà T1 do sổ đăng ký kết hôn chỉ lưu từ năm 1998 đến nay. Do vậy, xác định ông T, bà T1 không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông T bà T1 nhất trí thỏa thuận bà T1 được toàn quyền sử dụng đất và trích trả cho ông Toàn số tiền 30.000.000đồng, tuy nhiên ngày 23/3/2020, ông T thay đổi ý kiến không đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này nữa mà để ông bà tự giải quyết. Đến thời điểm mở phiên tòa ngày hôm nay, ông T cũng không bổ sung hay có ý kiến khác. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà T1 cũng nhất trí để vợ chồng tự giải quyết về tài sản chung. Do vậy, không xem xét đến phân tài sản chung của ông bà. Nếu ông T, bà T1 có đề nghị phân chia tài sản chung thì có thể khởi kiện vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

- Án phí Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ QH: Ông Vũ Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật có mặt tại các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tiến hành. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn trong vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc T và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 1989, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Quá trình chung sống có thời gian dài hạnh phúc nhưng đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn, ông T và bà T1 đã sống ly thân một thời gian dài (10 năm), khoảng cách vợ chồng ngày càng lớn, mâu thuẫn không giải quyết được chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông T xin xét xử vắng mặt và không có thay đổi gì về yêu cầu xin ly hôn, bà T cũng nhất trí ly hôn. Như vậy có đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cuộc sống chung cũng không mang lại kết quả. Việc giải quyết cho ly hôn là có căn cứ khi mục đích của hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông T xác nhận đã đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Thái từ năm 1989, hiện nay không lưu giữ được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đã bị thất lạc, còn bà T1 trình bày tại phiên tòa xác định ông T do bức tức với bà nên đã xé giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Việc đăng ký kết hôn theo lời trình bày được xác nhận như sau:

Theo xác nhận của Chủ tịch UBND thị trấn Quân Chu thì qua kiểm tra sổ hộ tịch tại Ủy ban, không có sự kiện đăng ký kết hôn của ông T và bà T1 do sổ đăng ký kết hôn chỉ lưu từ năm 1998 đến nay. Do vậy, xác định ông Toàn, bà Thu không đăng ký kết hôn

Tại biên bản xác minh với cán bộ tư pháp hộ tịch của xã Phúc Thuận nơi cư trú của ông T và bà T1 được cung cấp thông tin: Ông Toàn và bà Thu trước đó cư trú tại xóm 6, thị trấn Bắc Sơn, huyện Phổ Yên. Từ ngày 25/3/2011 thuộc xóm 6, xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên (theo Nghị định số 05/ NĐ - CP ngày 13/01/2011 của Chính phủ về việc giải thể các thị trấn nông trường và điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập các thị trấn: Bắc Sơn thuộc huyện Phổ Yên) nên ông T, bà T1 là công dân của xã Phúc Thuận. Trên sổ theo dõi việc

đăng ký kết hôn không có tên của ông T và bà T1 từ năm 2011 đến nay. Điều đó thể hiện không có sự kiện đăng ký kết hôn tại xã Phúc Thuận.

Như vậy, theo quy định tại khoản 1, điều 9 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng: Quá trình xác minh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc đăng ký kết hôn của công dân thể hiện không có tên trên sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn. Do đó xác định ông Toàn và bà Thu chung sống với nhau từ năm 1989 là sau ngày 03/01/1987 mà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông T có đơn xin ly hôn với bà T1 căn cứ theo các văn bản, điều luật đã viện dẫn ở trên, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T với bà T1.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Toàn và bà Thu có hai con chung

1, Vũ Ngọc G, sinh năm 1989;

2, Vũ Ngọc H, sinh năm 1992

Nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông T bà T1 nhất trí thoả thuận bà T1 được toàn quyền sử dụng đất và trích trả cho ông T số tiền 30.000.000đồng. Ngày 23/3/2020, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện không đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận này nữa mà đề ông bà tự giải quyết. Đến thời điểm mở phiên tòa ông T cũng không bổ sung hay có ý kiến khác. Tại phiên tòa, bà T1 cũng nhất trí đề vợ chồng tự giải quyết về tài sản chung. Do vậy, không xem xét đến phần tài sản chung của ông bà. Nếu ông T, bà T1 có đề nghị phân chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện vụ án (Chia tài sản chung sau khi ly hôn) trong vụ án dân sự khác.

[5]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Ông T và bà T1 xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc T về việc đề nghị chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Nguyễn Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Ngọc T với bà Nguyễn Thị T.

2. *Về con chung:* Các con đều đã trưởng thành, không đặt ra việc giải quyết.

3. *Về tài sản Chung:* Ông Toàn, bà Thu không yêu cầu quyết trong vụ án. Các bên đương sự có quyền khởi kiện đối với đề nghị chia tài sản chung bằng một vụ kiện khác (Chia tài sản chung sau khi ly hôn).

4. *Về nợ chung, cho vay chung:* Không có, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. *Về Án phí:* Ông Vũ Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tại biên lai số 0004547 ngày 12/12/2019. Xác nhận đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà T1 tại phiên tòa. Báo cho biết đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Phúc Thuận;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Hồng Tiến;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

